

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

ĐKCT 1.1	Chủ đầu tư: Tập đoàn Điện lực Việt Nam Địa chỉ: <i>[ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của chủ đầu tư và đại diện ủy quyền (nếu có)]</i> .
ĐKCT 1.3	Nhà thầu: _____ <i>[ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu]</i>
ĐKCT 1.10	Địa điểm dự án: Xã Than Uyên, tỉnh Lai Châu.
ĐKCT 1.11	Ngày hợp đồng có hiệu lực: Theo quy định tại Điều 8 của Thỏa thuận hợp đồng
ĐKCT 2.2 (i)	Các tài liệu khác: Không
ĐKCT 4.1	Việc sử dụng tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng: Không có quy định khác.
ĐKCT 5.1	Các trường hợp khác: Không áp dụng.
ĐKCT 7	<p>Loại hợp đồng: Hợp đồng hỗn hợp (trộn gói, đơn giá cố định), cụ thể như sau:</p> <p>7.1. Giai đoạn lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi (Pre FS)</p> <p><i>a) Phạm vi công việc áp dụng loại hợp đồng “trộn gói”:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Lập hồ sơ báo cáo Nghiên cứu tiền khả thi. - Lập Tính toán họ đường cong quan hệ $Q=F(H)$ hạ lưu nhà máy Bản Chát mở rộng tương ứng với mực nước hồ Huội Quảng. <p><i>b) Phạm vi công việc áp dụng loại hợp đồng theo “đơn giá cố định”:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu thập kết quả khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn. - Khảo sát địa hình. - Khảo sát địa chất. <p>7.2. Giai đoạn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi (FS)</p> <p><i>a) Phạm vi công việc áp dụng loại hợp đồng “trộn gói”:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Lập Báo cáo nghiên cứu khả thi (FS); - Lập mô hình thông tin xây dựng công trình BIM (giai đoạn FS). - Báo cáo chuyên ngành và công tác tư vấn khác: <ul style="list-style-type: none"> + Đánh giá tác động môi trường (ĐTM); + Điều tra, đánh giá mức độ thiệt hại và dự kiến phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; + Điều tra, lập hồ sơ phục vụ xin chấp thuận chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng, chuyển mục đích sử dụng đất rừng; + Lập hồ sơ thỏa thuận đầu nối nhà máy mở rộng với hệ thống điện Quốc gia; + Lập hồ sơ và thỏa thuận đo đếm điện năng; + Lập hồ sơ và thỏa thuận SCADA và thông tin kết nối; + Lập hồ sơ kỹ thuật hệ thống role bảo vệ và điều khiển tự động;

	<ul style="list-style-type: none"> + Lập hồ sơ cấp độ và đánh giá an toàn thông tin cho hệ thống điều khiển nhà máy; + Lập hồ sơ thỏa thuận đấu nối hệ thống điện thi công và tự dùng; + Lập hồ sơ thỏa thuận hướng tuyến đường dây đấu nối; + Lập hồ sơ thỏa thuận chiều cao tĩnh không đường dây đấu nối. <p>b) Phạm vi công việc áp dụng loại hợp đồng theo “đơn giá cố định”:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát địa hình, địa chất công trình. - Trích đo bản đồ địa chính phục vụ công tác giải phóng mặt bằng. <p>7.3. Giai đoạn lập Thiết kế kỹ thuật (TKKT)</p> <p>a) Phạm vi công việc áp dụng loại hợp đồng “trọn gói”:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lập Hồ sơ TKKT-DTXDCT (bao gồm giám sát tác giá). - Lập mô hình thông tin xây dựng công trình (BIM). - Công tác lập Hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu. - Lập dự toán các gói thầu. - Báo cáo chuyên ngành và tư vấn khác: <ul style="list-style-type: none"> + Lập hồ sơ phục vụ thẩm định hệ thống phòng cháy, chữa cháy; + Thí nghiệm mô hình thủy lực; + Lập hồ sơ xin cấp phép khai thác, sử dụng nước mặt. <p>b) Phạm vi công việc áp dụng loại hợp đồng theo “đơn giá cố định”:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát địa chất và thí nghiệm chuyên ngành trong hầm khảo sát. - Xây dựng lưới tam giác thủy công thủy chuẩn và đưa tim mốc ra thực địa. - Thu thập kết quả khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn. <p>7.4. Giai đoạn lập Thiết kế Bản vẽ thi công (BVTC)</p> <p>a) Phạm vi công việc áp dụng loại hợp đồng “trọn gói”:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lập thiết kế bản vẽ thi công các hạng mục công trình. - Lập mô hình thông tin xây dựng công trình (BIM). - Các công tác tư vấn khác: <ul style="list-style-type: none"> + Lập quy trình vận hành hồ chứa (hiệu chỉnh); + Lập hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường; + Biên tập hoàn thiện Quy trình bảo trì phần thiết bị; + Lập phương án ứng phó thiên tai trong giai đoạn thi công. <p>b) Phạm vi công việc áp dụng loại hợp đồng theo “đơn giá cố định”: Không có.</p>
ĐKCT 8	<p>Giá hợp đồng bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với phần hợp đồng trọn gói: giá hợp đồng là cố định đối với phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu.

	<p>- Đối với phần hợp đồng theo đơn giá cố định: đơn giá không thay đổi trong suốt thời gian thực hiện đối với toàn bộ nội dung công việc trong phần hợp đồng đơn giá cố định.</p>
ĐKCT 10	<p>10.1. Tạm ứng</p> <p>10.1.1. Tỷ lệ thanh toán tạm ứng</p> <p><i>a) Tạm ứng đối với các công việc của giai đoạn lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi (Pre-FS):</i></p> <p>Sau khi hợp đồng có hiệu lực và Bên A nhận được đủ các hồ sơ hợp lệ, Bên A tạm ứng cho Bên B giá trị tương ứng với tỷ lệ 30% giá trị hợp đồng trước thuế và (không bao gồm giá trị dự phòng) của phạm vi công việc giai đoạn khảo sát, lập Pre-FS.</p> <p>Trường hợp tỷ trọng giá chào thầu giai đoạn Pre-FS của nhà thầu cao hơn tỷ trọng giá trị Pre-FS trong dự toán gói thầu được duyệt thì giá trị tạm ứng được xác định như sau:</p> <p>- Giá trị tạm ứng = 30% * Giá hợp đồng trước thuế (không bao gồm dự phòng) * K_{Pre-FS}</p> <p><i>Trong đó:</i></p> $K_{Pre-FS} = \frac{\text{Giá trị dự toán giai đoạn PreFS (trong dự toán gói thầu)}}{\text{Tổng giá trị dự toán gói thầu}}$ <p>+ K_{Pre-FS}: Theo Phụ lục 1 kèm theo Hợp đồng.</p> <p><i>b) Tạm ứng đối với các công việc của Giai đoạn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi (FS):</i></p> <p>Sau khi Chủ trương đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt và Bên A nhận được đủ các hồ sơ hợp lệ, Bên A tạm ứng cho Bên B giá trị tương ứng với tỷ lệ 30% giá trị hợp đồng trước thuế và (không bao gồm giá trị dự phòng) của phạm vi công việc giai đoạn khảo sát, lập FS.</p> <p>Trường hợp tỷ trọng giá chào thầu giai đoạn FS của nhà thầu cao hơn tỷ trọng giá trị FS trong dự toán gói thầu được duyệt thì giá trị tạm ứng được xác định như sau:</p> <p>- Giá trị tạm ứng = 30% * Giá hợp đồng trước thuế (không bao gồm dự phòng) * K_{FS}</p> <p><i>Trong đó:</i></p> $K_{FS} = \frac{\text{Giá trị dự toán giai đoạn FS (trong dự toán gói thầu)}}{\text{Tổng giá trị dự toán gói thầu}}$ <p>+ K_{FS}: Theo Phụ lục 1 kèm theo Hợp đồng.</p> <p><i>c) Tạm ứng đối với các công việc của Giai đoạn Thiết kế kỹ thuật – Dự toán xây dựng công trình (TKKT):</i></p> <p>Sau khi Báo cáo nghiên cứu khả thi được cấp có thẩm quyền phê duyệt và Bên A nhận được đủ các hồ sơ hợp lệ, Bên A tạm ứng cho Bên B giá trị tương ứng với tỷ lệ 30% giá trị hợp đồng trước thuế và (không bao gồm giá trị dự phòng) của phạm vi công việc giai đoạn khảo sát, lập TKKT.</p>

	<p>Trường hợp tỷ trọng giá chào thầu giai đoạn TKKT của nhà thầu cao hơn tỷ trọng giá trị TKKT trong dự toán gói thầu được duyệt thì giá trị tạm ứng được xác định như sau:</p> <p>- Giá trị tạm ứng = 30% * Giá hợp đồng trước thuế (không bao gồm dự phòng) * K_{TKKT}</p> <p><i>Trong đó:</i></p> $K_{TKKT} = \frac{\text{Giá trị dự toán giai đoạn TKKT (trong dự toán gói thầu)}}{\text{Tổng giá trị dự toán gói thầu}}$ <p>+ K_{TKKT}: Theo Phụ lục 1 kèm theo Hợp đồng.</p> <p><i>d) Tạm ứng đối với các công việc của Giai đoạn lập thiết kế BVTC.</i></p> <p>Sau khi hồ sơ TKKT thi được cấp có thẩm quyền phê duyệt và Bên A nhận được đủ các hồ sơ hợp lệ, Bên A tạm ứng cho Bên B giá trị tương ứng với tỷ lệ 30% giá trị hợp đồng trước thuế và (không bao gồm giá trị dự phòng) của phạm vi công việc giai đoạn BVTC.</p> <p>10.1.2. Thu hồi tạm ứng gia hạn bảo lãnh tạm ứng và thu hồi bảo lãnh tạm ứng</p> <p>- Thu hồi tạm ứng: Bên A sẽ thu hồi tiền tạm ứng từ lần thanh toán lần đầu và kết thúc khi giá trị thanh toán đạt 80% giá trị hợp đồng tương ứng của các giai đoạn: Pre-FS, FS, TKKT, BVTC. Tỷ lệ thu hồi tạm ứng tối thiểu là 37,5% giá trị nghiệm thu công việc hoàn thành trước thuế.</p> <p>- Gia hạn bảo lãnh tạm ứng: Nếu Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Bên B phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Bên A tối thiểu 21 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu Bên B không giao nộp đúng hạn, Bên A có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn hiệu lực, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Bên B chi trả.</p> <p>- Tịch thu bảo lãnh tạm ứng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích hoặc vi phạm các quy định của Hợp đồng; (2) Bên B từ chối gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng.</p> <p>10.1.3. Hồ sơ thanh toán tạm ứng</p> <p>+ Văn bản đề nghị tạm ứng của Bên B;</p> <p>+ Bảo lãnh tạm ứng (tương ứng với từng giai đoạn: Pre-FS, FS, TKKT, BVTC) vô điều kiện, không hủy ngang do một ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành với số tiền tương đương số tiền tạm ứng, có hiệu lực đến khi Bên A thu hồi hết giá trị tạm ứng.</p> <p>10.2. Nghiệm thu, thanh toán: Theo Phụ lục 1 kèm theo Hợp đồng.</p> <p>10.3. Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.</p>
--	--

	10.4. Thời hạn thanh toán: Thanh toán trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Bên A nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.
ĐKCT 11	Bảo hành sản phẩm của dịch vụ: Không áp dụng.
ĐKCT 12	Thời gian thực hiện hợp đồng: Từ ngày hợp đồng có hiệu lực tới khi các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo quy định của Hợp đồng.
ĐKCT 13.1	Thời gian bên nhận yêu cầu trả lời yêu cầu sửa đổi hợp đồng của chủ đầu tư hoặc nhà thầu: Trong vòng 05 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu điều chỉnh hợp đồng.
ĐKCT 13.2 (e)	<p>Các trường hợp khác: Nguyên tắc điều chỉnh hợp đồng được thực hiện như sau:</p> <p>a) Đối với hợp đồng trọn gói, chỉ được điều chỉnh hợp đồng cho những khối lượng công việc bổ sung ngoài phạm vi công việc theo hợp đồng đã ký (phạm vi công việc nằm ngoài nhiệm vụ tư vấn phải thực hiện) và các trường hợp quy định tại điểm b, c, d khoản 2 Điều 143 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13.</p> <p>b) Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định: Bên A nghiệm thu thanh toán theo khối lượng thực tế hoàn thành bao gồm cả phần khối lượng tăng thêm so với khối lượng trong hợp đồng mà không phải ký Phụ lục bổ sung hợp đồng. Trường hợp giá trị thanh toán cho nhà thầu vượt giá trị hợp đồng (bao gồm dự phòng) thì Bên A trình cấp có thẩm quyền phê duyệt làm cơ sở ký Phụ lục bổ sung hợp đồng để thanh toán cho Bên B.</p> <p>c) Đối với khối lượng phát sinh ngoài phạm vi công việc của hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp công việc phát sinh (bao gồm cả trường hợp bất khả kháng) đã có đơn giá trong Hợp đồng thì sử dụng đơn giá trong hợp đồng để thanh toán. - Trường hợp công việc phát sinh chưa có đơn giá trong hợp đồng thì đơn giá thanh toán cho công việc phát sinh này được xác định theo quy định hiện hành về quản lý chi phí của Bộ Xây dựng tại thời điểm triển khai công việc phát sinh. Đơn giá cho công việc phát sinh này sẽ được nhân với hệ số $k = \text{giá hợp đồng (tại thời điểm ký kết)}/\text{giá trị dự toán gói thầu}$ được duyệt. <p>Trường hợp tổng giá trị hợp đồng sau điều chỉnh không làm vượt giá gói thầu thì Bên A tổ chức phê duyệt làm cơ sở ký Phụ lục bổ sung hợp đồng để thực hiện;</p> <p>Trường hợp tổng giá trị hợp đồng sau điều chỉnh vượt giá gói thầu thì Bên A trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt điều chỉnh làm cơ sở thực hiện.</p>
ĐKCT 14.2	Thời gian nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: Trong vòng 05 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu thay thế nhân sự của Bên A.
ĐKCT 15.2	1. Điều chỉnh Điểm d của ĐKCT 15.2 như sau:

	<p>đ) Cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định,... với số lượng và thời gian theo đúng tiến độ được hai Bên thỏa thuận theo quy định của Hợp đồng.</p> <p>Đối với công việc phân tích hiệu ích kinh tế - tài chính: Bên B phải nộp cho Bên A file tính toán chi tiết thể hiện đường link tính toán của các số liệu để tính ra kết quả phân tích và nộp cùng với hồ sơ các giai đoạn (Pre-FS, FS, TKKT).</p> <p>2. Bổ sung ĐKCT 15.2 như sau:</p> <p>h) Tham gia nghiệm thu công trình xây dựng cùng Chủ đầu tư theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng, giám sát tác giả, trả lời các nội dung có liên quan đến hồ sơ thiết kế theo yêu cầu của Chủ đầu tư.</p> <p>i) Bảo quản và giao lại cho Chủ đầu tư những tài liệu và phương tiện làm việc do Chủ đầu tư cung cấp theo hợp đồng sau khi hoàn thành công việc (nếu có).</p> <p>j) Kịp thời thông báo bằng văn bản cho Chủ đầu tư về những thông tin, tài liệu không đầy đủ nhằm đáp ứng yêu cầu về tiến độ và chất lượng theo cam kết của Bên B.</p> <p>k) Bên B có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn xây dựng trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền.</p> <p>l) Sản phẩm tư vấn xây dựng phải được thực hiện bởi các chuyên gia có đủ điều kiện năng lực hành nghề theo quy định của pháp luật. Bên B phải sắp xếp, bố trí nhân lực của mình hoặc của nhà thầu phụ có kinh nghiệm và năng lực cần thiết như danh sách đã được Chủ đầu tư phê duyệt để thực hiện công việc tư vấn xây dựng.</p> <p>m) Cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của Bên A cho tới ngày nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng đối với tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi; ngày hoàn thành và bàn giao công trình đối với tư vấn thiết kế công trình xây dựng.</p> <p>n) Phối hợp với Bên A trong việc giải trình các cấp thẩm tra, thẩm định, thanh tra, kiểm toán dự án, gói thầu sau khi có yêu cầu của Bên A.</p> <p>o) Trách nhiệm của cá nhân đảm nhiệm các vị trí chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm thiết kế các chuyên ngành như: Chủ nhiệm dự án, Chủ nhiệm khảo sát địa hình; Chủ nhiệm khảo sát địa chất, địa kỹ thuật và thủy văn công trình; chủ nhiệm thiết kế; chủ trì biện pháp tổ chức thi công; chủ trì TMĐT, DTXDCT, DT gói thầu thực hiện công tác chuyên môn phù hợp với vị trí của mình đối với các nội dung sau:</p> <p>- Lập phương án kỹ thuật khảo sát theo đúng quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định hiện hành của nhà nước và của EVN (đối với Chủ nhiệm dự</p>
--	--

	<p><i>án/chủ nhiệm thiết kế, Chủ nhiệm khảo sát địa hình; Chủ nhiệm khảo sát địa chất, địa kỹ thuật và thủy văn công trình; chủ trì thiết kế).</i></p> <p>- Tổ chức triển khai tại thực địa công việc khảo sát theo đúng nhiệm vụ khảo sát được duyệt, không được đơn phương cắt giảm phạm vi khối lượng khi chưa có ý kiến của Bên A (<i>đối với Chủ nhiệm dự án/chủ nhiệm thiết kế, Chủ nhiệm khảo sát địa hình; Chủ nhiệm khảo sát địa chất, địa kỹ thuật và thủy văn công trình; chủ trì thiết kế).</i></p> <p>- Thực hiện công tác thiết kế theo đúng quy chuẩn, tiêu chuẩn, bóc tách khối lượng chuẩn xác theo hồ sơ thiết kế (<i>đối với Chủ nhiệm dự án/chủ nhiệm thiết kế; chủ trì thiết kế).</i></p> <p>- Sơ bộ TMDT, TMDT, DTXDCT, DT gói thầu (<i>đối với Chủ nhiệm dự án/chủ nhiệm thiết kế, Chủ trì lập TMDT, DTXDCT)</i> phải đảm bảo theo quy định hiện hành, bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + <i>Phù hợp với quy định hiện hành của nhà nước về quản lý chi phí;</i> + <i>Cập nhật đơn giá phù hợp với thông báo giá của địa phương nơi xây dựng dự án. Đối với những vật liệu, vật tư thiết bị không có trong thông báo giá của địa phương thì phải tham khảo tối thiểu 03 báo giá từ các nhà sản xuất/cung cấp khác nhau có năng lực theo quy định hiện hành.</i> + <i>Áp dụng định mức còn hiệu lực với công việc phù hợp với loại công việc, biện pháp thi công. Đối với những công việc chưa có trong định mức hiện hành hoặc định mức chuyên ngành đã ban hành nhưng hết hiệu lực cần chỉ rõ cơ sở pháp lý để vận dụng/ hoặc áp dụng phù hợp.</i> + <i>Thực hiện khảo sát các tuyến đường vận chuyển vật liệu, thiết bị nhằm phân loại cấp đường, độ dốc của đường để phục vụ xác định chi phí vận chuyển theo quy định hiện hành.</i> <p>Trường hợp không thực hiện công việc theo đúng nhiệm vụ khảo sát, thiết kế được duyệt làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án thì Bên B phải thay thế các nhân sự này. Đồng thời các nhân sự bị thay thế không được tham gia các dự án do EVN/ các đơn vị thành viên tối thiểu 01 năm.</p> <p>p) Hoàn thành xin chấp thuận/hoặc quyết định/ hoặc cấp phép của cấp có thẩm quyền đối với các chuyên ngành đáp ứng yêu cầu tiến độ theo từng giai đoạn của dự án.</p> <p>Bên B có trách nhiệm bám sát cơ quan có thẩm quyền để hoàn thành việc chấp thuận hoặc phê duyệt theo tiến độ tại Mục 1 Phụ lục 2 kèm theo Hợp đồng. Trường hợp Bên B thiếu hợp tác làm chậm trễ tiến độ thực hiện Hợp đồng thì sẽ bị phạt theo quy định tại Mục 2 Phụ lục 2 kèm theo Hợp đồng.</p> <p>q) Bồi thường thiệt hại cho Bên A do lỗi của Bên B hoặc nhân sự của Bên B gây ra khi thực hiện không đúng nội dung hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.</p>
--	--

ĐKCT 16.1	Danh sách nhà thầu phụ: Thống nhất trong quá trình thương thảo và phù hợp với E-HSDT.
ĐKCT 16.2	Tổng giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 30% giá hợp đồng [<i>Hệ thống trích xuất theo Mục 26.3 E-CDNT</i>].
ĐKCT 16.4	<p>Yêu cầu khác về nhà thầu phụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu cần thiết phải thuê thầu phụ thì Bên B cung cấp hồ sơ năng lực của nhà thầu phụ, phạm vi công việc thầu phụ dự kiến thực hiện cho Bên A xem xét, thỏa thuận trước khi thực hiện. - Bên B phải chịu trách nhiệm trước Bên A và pháp luật về chất lượng, tiến độ thực hiện phạm công việc của nhà thầu phụ được giao theo hợp đồng này.
ĐKCT 17	<p>1. Phạt vi phạm hợp đồng: Áp dụng.</p> <p>a) Nhà thầu bị phạt theo mức: 0,1% giá trị hợp đồng phần vi phạm cho mỗi ngày chậm hoàn thành công việc theo các mốc tiến độ cấp 1 được nêu trong Phụ lục 2 của hợp đồng.</p> <p>Tổng số tiền phạt không vượt quá: 12% giá trị hợp đồng (<i>10.878.483.257 đồng - Giá trị này sẽ được chính xác trong giai đoạn thương thảo Hợp đồng</i>). Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của Nhà thầu.</p> <p>Giá trị khối lượng vi phạm được xác định là phần giá trị hợp đồng tương ứng theo từng giai đoạn: Pre-FS, FS, TKKT, BVTC. Trường hợp nhà thầu vi phạm ở tất cả các giai đoạn thì giá trị khối lượng vi phạm là Tổng giá trị hợp đồng.</p> <p>b) Trường hợp chủ đầu tư chậm thanh toán cho nhà thầu theo quy định tại Mục 10 E-ĐKC thì phải trả lãi cho nhà thầu theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tại thời điểm gần nhất tính đến thời hạn thanh toán. Thời gian được tính kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến ngày chủ đầu tư thanh toán đầy đủ cho nhà thầu.</p> <p>2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng</p> <p>Ngoài quy định về phạt vi phạm, Bên B có trách nhiệm bồi thường cho Bên A và bên thứ ba (nếu có) toàn bộ các thiệt hại thực tế và gián tiếp phát sinh do lỗi, vi phạm của Bên B gây ra trong quá trình thực hiện hợp đồng.</p>
ĐKCT 19.1	<p>Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A về sai sót hoặc chậm trễ của Bên B trong khi thực hiện các nghĩa vụ của hợp đồng mà Bên B vẫn không có biện pháp sửa chữa các sai sót đó. b) Bên B chuyển nhượng hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của Bên A. c) Bên B bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của

	<p>người quản lý tài sản, người được ủy quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này.</p> <p>d) Trường hợp bất khả kháng quy định tại ĐKC 21.</p> <p>e) Bên B bị phạt vi phạm Hợp đồng vượt quá tổng số tiền phạt tối đa của mục E-ĐKC 17.</p> <p>f) Có bằng chứng cho thấy Bên B đã vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định của Luật Đấu thầu trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện Hợp đồng.</p> <p>g) Bên B từ chối không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua quyết định của Tòa án tại E-ĐKCT 22.2.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu có một trong những trường hợp này, Bên A có thể, bằng cách thông báo cho Bên B trước 5 ngày chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên, trong trường hợp (c), Bên A có thể thông báo chấm dứt hợp đồng ngay lập tức. - Sự lựa chọn của Bên A trong việc quyết định chấm dứt hợp đồng sẽ không được làm ảnh hưởng đến các quyền lợi khác của Bên A theo hợp đồng. <p>Các bước thực hiện khi chấm dứt hợp đồng theo E-ĐKCT 20b.</p> <p>h) Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng: Theo ĐKC 20c.</p>
ĐKCT 20	<p>Chấm dứt hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư:</p> <p>a) Bên B có thể chấm dứt việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho Bên A biết trước ít nhất là 5 ngày nếu xảy ra một trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ đầu tư bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được ủy thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó. - Quá thời hạn 45 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng mà Bên A vẫn không thể tiếp tục thực hiện các công việc của hợp đồng. <p>b) Các bước thực hiện khi chấm dứt hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu xảy ra một trong những trường hợp phải chấm dứt hợp đồng, một bên có thể thông báo cho bên kia về việc chấm dứt hợp đồng trước 10 ngày. - Bên B phải chuyển các tài liệu mà mình đã thực hiện được tại thời điểm chấm dứt hợp đồng cho Bên A. - Sau khi chấm dứt hợp đồng Bên A có thể lựa chọn đơn vị khác thực hiện. Bên A và đơn vị này khi đó có thể sử dụng bất cứ tài liệu nào của Bên B đã được thực hiện hoặc đại diện Bên B thực hiện. <p>c) Không muộn hơn 5 ngày sau khi thông báo chấm dứt hợp đồng, hai Bên sẽ thảo luận và xác định giá trị của công việc và các tài liệu của Bên</p>

	B đã thực hiện theo hợp đồng (Giá trị hợp đồng tại thời điểm chấm dứt). Trong vòng 45 ngày sau khi xác định Giá trị hợp đồng tại thời điểm chấm dứt, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B toàn bộ số tiền này.
ĐKCT 22.2	<p>Giải quyết tranh chấp:</p> <p>Nếu sau 30 ngày kể từ khi bắt đầu thương lượng mà các Bên không đạt được thoả thuận về giải quyết các tranh chấp theo hợp đồng, thì việc giải quyết tranh chấp được thực hiện tại Tòa án Nhân dân có thẩm quyền tại nơi đặt trụ sở của Bên A. Trong thời gian chờ đợi phán quyết của Tòa án, Bên B vẫn phải có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo Hợp đồng. Quyết định của toà án được coi là phán quyết cuối cùng và có hiệu lực bắt buộc thi hành với cả hai bên. Bên thua kiện phải chịu án phí.</p>
ĐKCT 23.1	<p>Địa chỉ để hai bên thông báo cho nhau những thông tin theo quy định:</p> <p>- Địa chỉ liên lạc của chủ đầu tư: Số 11 Cửa Bắc, phường Ba Đình, thành phố Hà Nội</p> <p>Điện thoại: 02466946888</p> <p>Fax: 024 35541371.</p> <p>E-mail: anhnt@evn.com.vn</p> <p>- Địa chỉ liên lạc của Nhà thầu: _____</p> <p>Điện thoại: _____</p> <p>Fax: _____</p> <p>E-mail: _____</p>

PHỤ LỤC 1 THANH TOÁN

(Kèm theo Hợp đồng số:/2025/HDTV-AD2-... ngày)

1. Nghiệm thu khối lượng

1.1. Nghiệm thu khối lượng giai đoạn lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi (Pre-FS):

a) Nghiệm thu công việc khảo sát phục vụ lập Pre-FS: Nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo khối lượng thực tế thực hiện từng đợt trên cơ sở hồ sơ hoàn công do nhà thầu lập phù hợp với quy định hiện hành.

b) Nghiệm thu công việc lập Pre-FS và báo cáo chuyên ngành:

- Lần 1: Sau khi hồ sơ Pre-FS được Bên B giao nộp và được chủ đầu tư trình cấp có thẩm quyền thẩm định/ phê duyệt.

- Lần 2: Sau khi hồ sơ Pre-FS được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

1.2. Nghiệm thu khối lượng giai đoạn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi (FS):

a) **Nghiệm thu công việc khảo sát phục vụ lập FS (khảo sát địa hình, địa chất công trình, thủy văn; Trích đo địa chính, lập hồ sơ xin giao đất, thuê đất):** Nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo khối lượng thực tế thực hiện từng đợt trên cơ sở hồ sơ hoàn công do nhà thầu lập phù hợp với quy định hiện hành.

b) **Nghiệm thu công việc lập FS gồm các công việc:**

- Báo cáo nghiên cứu khả thi.

- Ứng dụng mô hình thông tin công trình (BIM).

- Khảo sát, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM).

- Các chuyên ngành khác phục vụ lập, phê duyệt FS (theo mục c dưới đây).

*** Sơ đồ nghiệm thu như sau:**

- Lần 1: Sau khi hồ sơ FS được Bên B giao nộp và được chủ đầu tư trình cấp có thẩm quyền thẩm định/ phê duyệt.

- Lần 2: Sau khi hồ sơ FS được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) **Các chuyên ngành khác bao gồm:**

- Lập các thỏa thuận chuyên ngành điện, gồm:

(i) Chi phí lập Hồ sơ thỏa thuận đấu nối Nhà máy thủy điện Bản Chát mở rộng với hệ thống điện Quốc gia.

(ii) Chi phí lập Hồ sơ thỏa thuận hướng tuyến đường dây (ĐZ) đấu nối.

(iii) Chi phí lập Hồ sơ thỏa thuận chiều cao tỉnh không ĐZ đấu nối.

(iv) Lập hồ sơ thỏa thuận đấu nối và thiết kế hệ thống thông tin phục vụ SCADA/EMS và các yêu cầu giám sát, điều khiển, vận hành khác.

(v) Chi phí lập Hồ sơ thỏa thuận kỹ thuật hệ thống đo đếm điện năng và hệ thống thu thập số liệu đo đếm phục vụ giao nhận điện năng.

(vi) Chi phí lập Hồ sơ thỏa thuận kỹ thuật hệ thống role bảo vệ và điều khiển tự động.

(vii) Chi phí lập Hồ sơ thỏa thuận đấu nối hệ thống điện thi công và tự dùng.

- Điều tra, lập hồ sơ xin chấp thuận chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng.
- Lập hồ sơ đề xuất cấp độ và kiểm tra đánh giá an toàn thông tin.
- Điều tra phục vụ lập báo cáo đánh giá mức độ thiệt hại và bồi thường, hỗ trợ tái định cư.

*** Sơ đồ nghiệm thu như sau:**

Nghiệm thu sau khi Bên B hoàn thành công việc được cấp có thẩm quyền phê duyệt/hoặc thỏa thuận.

1.3. Nghiệm thu khối lượng giai đoạn lập Thiết kế kỹ thuật (TKKT):

a) Nghiệm thu công việc khảo sát phục vụ lập TKKT (Khảo sát địa chất, thủy văn công trình): Nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo khối lượng thực tế thực hiện từng đợt trên cơ sở hồ sơ hoàn công do nhà thầu lập phù hợp với quy định hiện hành.

b) Nghiệm thu công việc lập TKKT-DTXDCT gồm các công việc:

- Hồ sơ TKKT – Dự toán xây dựng công trình, dự toán gói thầu.
- Lập mô hình thông tin xây dựng công trình (BIM).
- Xây dựng và thí nghiệm mô hình thủy lực.
- Lập, biên tập hồ sơ thỏa thuận phòng cháy chữa cháy (PCCC).
- Các chuyên ngành khác phục vụ lập, phê duyệt TKKT (theo mục d dưới đây).

*** Sơ đồ nghiệm thu như sau:**

+ Lần 1: Nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành sau khi TKKT được chủ đầu tư trình cấp có thẩm quyền thẩm định/ phê duyệt.

+ Lần 2: Nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành sau khi TKKT được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Công tác giám sát tác giả:

Nghiệm thu định kỳ 06 tháng/ lần căn cứ theo giá trị khối lượng thi công phần xây dựng của hạng mục công trình do Nhà thầu thi công xây dựng thực hiện được Bên A nghiệm thu.

d) Các chuyên ngành khác bao gồm:

- Xây dựng lưới tam giác thủy công thủy chuẩn và đưa tim mốc ra thực địa.
- Lập hồ sơ xin cấp phép khai thác nước mặt.
- Lập HSMT và đánh giá HSĐT.

*** Sơ đồ nghiệm thu như sau:**

Nghiệm thu sau khi Bên B hoàn thành công việc được cấp có thẩm quyền phê duyệt/hoặc thỏa thuận.

1.4. Nghiệm thu khối lượng giai đoạn lập Thiết kế Bản vẽ thi công (BVTC):

a) Nghiệm thu công việc lập TKBVTC gồm các công việc:

- Lập thiết kế BVTC.
- Lập mô hình thông tin xây dựng công trình (BIM).

*** Sơ đồ nghiệm thu như sau:**

- Công tác tư vấn lập TKBVTC: Hàng quý, căn cứ danh mục hồ sơ thiết kế BVTC các hạng mục được duyệt/thỏa thuận, Bên A sẽ nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành trên cơ sở tỷ lệ % tương ứng theo thời gian thực hiện.

- Công tác lập ứng dụng mô hình thông tin công trình (BIM): Nghiệm thu công việc tương ứng với tỷ lệ hoàn thành công tác lập BVTC.

b) Các chuyên ngành khác bao gồm:

- Lập hồ sơ quy trình vận hành hồ chứa (hiệu chỉnh).
- Lập hồ sơ xin cấp phép môi trường.
- Biên tập hoàn thiện Quy trình bảo trì phần thiết bị để trình Chủ đầu tư phê duyệt.
- Lập hồ sơ phương án ứng phó thiên tai trong giai đoạn thi công.

*** Sơ đồ nghiệm thu như sau:**

Nghiệm thu sau khi Bên B hoàn thành công việc được cấp có thẩm quyền phê duyệt/ hoặc thỏa thuận.

2. Sơ đồ thanh toán

Tỷ trọng phạm vi công việc theo loại hợp đồng

TT	Nội dung	Tỷ trọng phạm vi công việc theo loại hợp đồng	Ghi chú
1	Hợp đồng trọn gói	48,73%	
2	Hợp đồng theo đơn giá cố định	51,27%	
	Tổng cộng	100,00%	

- Trường hợp tỷ trọng giá chào thầu theo loại hợp đồng tương ứng so với tổng giá trong Hồ sơ dự thầu của nhà thầu cao hơn tỷ trọng nêu trên thì tổng giá trị thanh toán giai đoạn của công việc của mỗi loại hợp đồng tối đa bằng Giá hợp đồng nhân (x) với tỷ lệ tương ứng của loại hợp đồng nêu trên.

- Tỷ trọng nêu trên không bao gồm tỷ trọng phần chi phí dự phòng.

Tỷ trọng giá trị công việc các giai đoạn tương ứng trong dự toán gói thầu như sau:

TT	Nội dung	Tỷ trọng thanh toán tối đa từng giai đoạn	Ghi chú
I	Chi phí tư vấn các giai đoạn Khảo sát, lập Pre-FS, FS, TKKT, BVTC	100%	
1	Giai đoạn lập Pre-FS	13,93%	K _{Pre-FS}
2	Giai đoạn FS	17,61%	K _{FS}
3	Giai đoạn TKKT	58,04%	K _{TKKT}
4	Giai đoạn TKBVTC	10,42%	K _{BVTC}

- Trường hợp tỷ trọng giá chào thầu các công việc thực hiện giai đoạn trước của Nhà thầu cao hơn tỷ trọng các công việc tương ứng trong dự toán gói thầu được duyệt nêu trên thì tổng giá trị thanh toán tương ứng của mỗi giai đoạn được xác định tối đa là: Giá trị hợp đồng nhân với tỷ lệ tương ứng theo từng giai đoạn như bảng trên. Phần giá trị chênh lệch cao hơn sẽ được nghiệm thu thanh toán khi hai bên hoàn thành quyết toán công việc của hợp đồng.

- Tỷ trọng nêu trên không bao gồm tỷ trọng phần chi phí dự phòng.

Tỷ lệ thanh toán trong các giai đoạn như sau:

2.1. Thanh toán giai đoạn lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi (Pre-FS):

a) Công tác khảo sát xây dựng phục vụ lập Pre-FS:

- Lần 1: Thanh toán đến 80% giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu.
- Lần 2: Thanh toán đến 95% giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu sau khi Pre-FS được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Lần 3: Thanh toán đến 100% giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu sau khi các Bên hoàn thành thủ tục quyết toán.

b) Công tác lập Pre-FS và báo cáo chuyên ngành:

- Lần 1: Thanh toán đến 80% giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu sau khi Pre-FS được Bên A trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt/chấp thuận.
- Lần 2: Thanh toán đến 95% giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu sau khi Pre-FS được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Lần 3: Thanh toán đến 100% giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu sau khi các Bên hoàn thành thủ tục quyết toán.

2.2. Thanh toán giai đoạn FS:

a) Công tác khảo sát xây dựng phục vụ lập FS:

- Lần 1: Thanh toán đến 80% giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu.
- Lần 2: Thanh toán đến 95% giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu sau khi FS được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Lần 3: Thanh toán đến 100% giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu sau khi các Bên hoàn thành thủ tục quyết toán.

b) Công tác lập FS:

- Lần 1: Thanh toán đến 80% giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu sau khi FS được Bên A trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt/chấp thuận.
- Lần 2: Thanh toán đến 95% giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu sau khi FS được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Lần 3: Thanh toán đến 100% giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu sau khi các Bên hoàn thành thủ tục quyết toán.

c) Các chuyên ngành khác

- Lần 1: Thanh toán đến 95% giá trị khối lượng công việc hoàn thành được nghiệm thu.
- Lần 2: Thanh toán đến 100% giá trị khối lượng công việc sau khi các Bên hoàn thành thủ tục quyết toán.

2.3. Thanh toán giai đoạn lập TKKT:

a) Công tác khảo sát xây dựng phục vụ lập TKKT:

- Lần 1: Thanh toán đến 80% giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu.
- Lần 2: Thanh toán đến 95% giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu sau khi TKKT được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Lần 3: Thanh toán đến 100% giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu sau khi các Bên hoàn thành thủ tục quyết toán.

b) Công tác lập TKKT – DTXDCT, dự toán gói thầu:

- Lần 1: Thanh toán đến 80% giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu sau khi TKKT được Bên A trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt/chấp thuận.

- Lần 2:

+ Công tác lập TKKT: Thanh toán đến 95% giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu sau khi TKKT-DTXDCT được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Công tác lập DTXDCT, DT gói thầu: Thanh toán đến 90% giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu sau khi TKKT-DTXDCT được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Thanh toán đến 95% giá trị khối lượng hoàn thành sau khi nhà thầu hoàn thành toàn bộ công việc lập dự toán gói thầu được Bên A nghiệm thu.

- Lần 3: Thanh toán đến 100% giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu sau khi các Bên hoàn thành thủ tục quyết toán.

c) Công tác giám sát tác giả

- Lần 1: Thanh toán 95% giá trị khối lượng hoàn thành theo tỷ lệ giá trị giải ngân khối lượng hoàn thành công tác thi công xây dựng công trình của từng hạng mục công trình kỳ thanh toán thứ “i”.

- Lần 2: Thanh toán đến 100% giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu sau khi các Bên hoàn thành thủ tục quyết toán.

d) Các chuyên ngành khác

- Lần 1: Thanh toán đến 95% giá trị khối lượng công việc hoàn thành được nghiệm thu.

- Lần 2: Thanh toán đến 100% giá trị khối lượng công việc sau khi các Bên hoàn thành thủ tục quyết toán.

2.4. Thanh toán giai đoạn lập BVTC:

- Lần 1: Thanh toán đến 95% giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu.

- Lần 2: Thanh toán đến 100% giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu sau khi các Bên hoàn thành thủ tục quyết toán.

3. Thanh toán trong trường hợp tạm dừng dự án hoặc chấm dứt hợp đồng

- Việc thanh toán thực hiện theo Điều 5 Phần thỏa thuận Hợp đồng và ĐKCT 10 [Tạm ứng và thanh toán] cho các công việc đã thực hiện trước ngày chấm dứt có hiệu lực.

- Khi xảy ra trường hợp chấm dứt hợp đồng, các Bên cùng phối hợp rà soát các công việc đã hoàn thành, nghĩa vụ thanh toán, bồi thường trước khi quyết toán và thanh toán bù trừ (nếu có) phần giá trị tạm ứng và giá trị khối lượng hoàn thành đã thực hiện.

4. Hồ sơ thanh toán

a) Hồ sơ nghiệm thu thanh toán

- Văn bản đề nghị thanh toán của Bên B kèm theo bảng thống kê lũy kế các đợt thanh toán và trừ giá trị thu hồi tạm ứng: 05 bản gốc;

- Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành: 08 bản gốc.

- Biên bản nghiệm thu thanh toán giá trị khối lượng hoàn thành: 08 bản gốc.

- Hóa đơn giá trị gia tăng.

b) Hồ sơ nghiệm thu quyết toán

- Văn bản đề nghị thanh toán của Bên B kèm theo Bảng tính giá trị quyết toán Hợp đồng: 06 bản gốc.

- Biên bản nghiệm thu quyết toán khối lượng xây lắp hoàn thành: 08 bản gốc.
- Biên bản nghiệm thu thanh toán giá trị khối lượng hoàn thành: 08 bản gốc.
- Biên bản nghiệm thu quyết toán giá trị khối lượng hoàn thành: 08 bản gốc.
- Hóa đơn giá trị gia tăng (nếu có).

c) Hồ sơ thanh lý hợp đồng:

- Văn bản đề nghị thanh toán giá trị khối lượng hoàn thành còn lại của Bên B (nếu có): 05 bản gốc.

- Biên bản thanh lý hợp đồng: 08 bản gốc.
- Hóa đơn giá trị gia tăng (nếu có).

** Hồ sơ chất lượng, hồ sơ hoàn công Bên B phải nộp cùng từng đợt thanh toán tuân thủ các quy định hiện hành. Số lượng hồ sơ như sau:*

- Hồ sơ hoàn công (nếu có) theo quy định hiện hành: 04 bộ.
- Hồ sơ nghiệm thu hoàn thành và hồ sơ quyết toán: 07 bộ.

(Hồ sơ nghiệm thu kèm theo file điện tử (Autocad, pdf, excel, word,...)).

PHỤ LỤC 2

PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG

(Kèm theo Hợp đồng số:BC/2025/HĐTV-AD2-... ngày)

I. PHẠT CHẬM TIẾN ĐỘ:

1. Mốc tiến độ tính phạt đối với mốc chính

- + Hoàn thành lập hồ sơ TKKT: 6,5 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- + Giải trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định và chỉnh sửa theo kết quả thẩm định TKKT: 9,5 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc 03 tháng kể từ ngày FS được duyệt.

2. Mốc tiến độ tính phạt đối với mốc trung gian

2.1 Giai đoạn Pre-FS và Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư

- + Hoàn thành lập hồ sơ: 02 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- + Giải trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định chủ trương đầu tư và chỉnh sửa sau thẩm định: 04 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

2.2 Giai đoạn FS

- + Hoàn thành lập hồ sơ: 3,5 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- + Giải trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định và chỉnh sửa sau thẩm định: 6,5 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

2.3 Giai đoạn BVTC

Hoàn thành lập BVTC của các hạng mục công trình/công trình đáp ứng để phê duyệt và giao cho nhà thầu trước khi triển khai thi công từ 0,5 tháng đến 01 tháng theo yêu cầu của Bên A.

2.4 Công tác lựa chọn nhà thầu

Công tác lập HSMT: Hoàn thành lập HSMT đáp ứng tiến độ lựa chọn nhà thầu theo KHLCNT được Chủ đầu tư phê duyệt. Thời gian hoàn thành là 20 ngày *(kể từ ngày có văn bản yêu cầu của Bên A)*

2.4.2 Công tác đánh giá HSDT (bao gồm đánh giá HSĐXKT và HSĐXTC)

a * Gói thầu xây lắp và cung cấp thiết bị tổ đấu thầu trong nước

- + Hoàn thành đánh giá HSDT trong vòng 20 ngày kể từ ngày mở thầu.

b * Gói thầu mua sắm thiết bị chính tổ chức đấu thầu quốc tế:

- + Hoàn thành đánh giá HSĐXKT trong vòng 30 ngày kể từ ngày mở thầu.
- + Hoàn thành đánh giá HSĐXTC trong vòng 03 ngày kể từ ngày mở HSĐXTC.

(tiến độ đánh giá HSDT không bao gồm thời gian làm rõ và trả lời làm rõ HSDT)

2.5 Công tác tư vấn chuyên ngành

Nhà thầu có trách nhiệm hoàn thành xin chấp thuận/hoặc quyết định/ hoặc cấp phép của cấp có thẩm quyền đáp ứng yêu cầu tiến độ theo từng giai đoạn của Dự án, cụ thể đối với các chuyên ngành sau:

2.5.1 Chuyên ngành Lập Hồ sơ chuyển mục đích sử dụng rừng, đất rừng, hồ sơ đề nghị chấp thuận phương án nộp tiền trồng rừng thay thế

- + Hoàn thành lập hồ sơ: 6,5 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- + Giải trình UBND tỉnh ra quyết định trong vòng: 03 tháng kể từ ngày Pre-FS được duyệt.

2.5.2 Chuyên ngành Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM)

- + Hoàn thành báo cáo ĐTM gửi EVNPMB2, EVN thẩm tra: 03 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- + Giải trình cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định: 171 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc 40 ngày kể từ ngày Pre-FS được duyệt.

2.5.3 Lập Hồ sơ Điều tra, đánh giá thiệt hại, dự kiến phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

- + Hoàn thành hồ sơ: 3,0 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

2.5.4 Các chuyên ngành Điện giai đoạn FS

- + Hoàn thành hồ sơ: 6,5 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

2.5.5 Lập hồ sơ thẩm định về Phòng cháy chữa cháy (PCCC)

- + Hoàn thành lập hồ sơ: 6,5 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
- + Giải trình thẩm định, phê duyệt: 8,5 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc 60 ngày kể từ ngày FS được duyệt.

2.5.6 Đối với các chuyên ngành: (i) Lập hồ sơ quy trình vận hành hồ chứa (hiệu chỉnh); (ii) Lập hồ sơ xin cấp phép môi trường; (iii) Lập hồ sơ xin cấp phép khai thác nước mặt; (iv) Biên tập hồ sơ bảo trì phần thiết bị:

Hoàn thành trước khi hoàn thành đóng điện 02 tháng. Tiến độ chi tiết sẽ được các bên thỏa thuận trong quá trình thực hiện Hợp đồng.

Đối với các chuyên ngành khác chưa được liệt kê trong danh mục này nếu nhà thầu chậm trễ gây ảnh hưởng đến tiến độ chung của gói thầu thì sẽ bị tính phạt chậm tiến độ thực hiện như các chuyên ngành này.

3. Phạt hợp đồng do chất lượng công việc

- Trường hợp hồ sơ do Bên B thực hiện có những sai sót dẫn đến phải trình lại cơ quan chuyên môn thẩm định từ hai lần trở lên và kéo dài thời gian hoàn thiện hồ sơ thiết kế của mỗi giai đoạn của dự án thì thời gian khắc phục các sai sót này được tính vào thời gian chậm hoàn thành theo các mốc quy định tại Mục I và chịu mức phạt như Mục II.

- Trường hợp khi triển khai thi công xảy ra sự cố sập đổ và đơn vị kiểm định phát hiện nguyên nhân do sai sót trong tính toán thiết kế thì phải chịu mức phạt tối đa theo quy định của Hợp đồng.

II. Mức phạt

a) Bên B vi phạm các mốc chính và mốc trung gian nêu tại Mục I thì phải chịu mức phạt tính bằng 0,1% giá trị khối lượng bị vi phạm.

Trường hợp Nhà thầu chậm hoàn thành các mốc tiến độ trung gian nhưng vẫn đảm bảo tiến độ hoàn thành mốc chính thì không tính phạt vi phạm tiến độ (ngoại trừ các mốc trung gian: TK BVTC và lập HSMT, đánh giá HSDT các gói thầu được thực hiện sau khi hoàn thành phê duyệt TKKT).

b) Mức phạt do chất lượng công việc: Ngoài việc bị phạt do chậm tiến độ, Bên B còn bị phạt với mức là 0,5% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm về chất lượng công việc đối với mỗi lần vi phạm.

c) Tổng giá trị phạt không vượt quá 12% giá hợp đồng.

Ghi chú:

+ Mốc trung gian là các mốc: i) *Phê duyệt Pre-FS hoặc cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư*; ii) *Phê duyệt FS*; iii) *Phê duyệt TKKT*; iv) *Công tác lựa chọn nhà thầu*; v) *Công tác tư vấn chuyên ngành*.

+ Giá trị phần hợp đồng vi phạm là giá trị phần hợp đồng tương ứng với mỗi giai đoạn: *Pre-FS, FS, TKKT, BVTC*.